

**BÁO CÁO**  
**Tài chính nhà nước tỉnh Lạng Sơn năm 2022**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Luật Kế toán năm 2015, Nghị định số 25/2017/NĐ-CP ngày 14/3/2017 của Chính phủ về báo cáo tài chính nhà nước, Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28/12/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về hướng dẫn lập báo cáo tài chính nhà nước, Thông tư số 39/2021/TT-BTC ngày 01/06/2021 Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 133/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính nhà nước, UBND tỉnh lập Báo cáo tài chính nhà nước (BCTCNN) tỉnh năm 2022 như sau:

**I. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI TỈNH LẠNG SƠN**

Năm 2022 là năm thứ hai triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII. Tỉnh Lạng Sơn bước vào triển khai nhiệm vụ năm 2022 trong điều kiện có một số thuận lợi cơ bản, tiếp nối kết quả thực hiện thành công “mục tiêu kép” năm 2020, 2021; đồng thời, cũng phải đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như: dịch COVID-19 tiếp tục diễn biến phức tạp trong những tháng đầu năm; những diễn biến bất thường của thời tiết gây nhiều thiệt hại đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp trên địa bàn một số huyện; Trung Quốc tiếp tục thực hiện chính sách “Zero COVID” đã tác động trực tiếp đến hoạt động xuất nhập khẩu và kết quả thu ngân sách của tỉnh; xung đột tại một số quốc gia đã tác động đến thị trường chung của thế giới, giá cả một số mặt hàng tăng cao, nhất là nhiên liệu, ảnh hưởng lớn tới sản xuất, đời sống của Nhân dân. Trong bối cảnh đó, được sự quan tâm của Chính phủ, các Bộ, ngành Trung ương, sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của Tỉnh ủy, sự giám sát của HĐND tỉnh, sự phối hợp chặt chẽ, đồng thuận của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, UBND tỉnh đã tập trung chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện các giải pháp tích cực, đồng bộ trên các lĩnh vực, cùng với sự nỗ lực phấn đấu của Nhân dân và cộng đồng doanh nghiệp, kinh tế - xã hội năm 2022 của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả trên mọi lĩnh vực.

Tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) đạt 7,47%<sup>1</sup> (mục tiêu từ 7 - 7,5%). Kết cấu hạ tầng khu kinh tế cửa khẩu được tập trung đầu tư, chủ động điều tiết các hoạt động thông quan hàng hóa vừa phòng chống dịch. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội, giáo dục, đào tạo tiếp tục được quan tâm và có

<sup>1</sup> Theo số liệu GRDP sơ bộ năm 2022 do Tổng Cục Thống kê thông báo.

hiều tiên bộ; công tác khám, chữa bệnh, an sinh xã hội được đảm bảo. Quốc phòng - an ninh được củng cố, trật tự an toàn xã hội được đảm bảo. Tổng thu NSNN trên địa bàn đạt 7.295,7 tỷ đồng, bằng 94,1% dự toán Trung ương giao, bằng 92,9% dự toán tỉnh giao. Tổng chi ngân sách địa phương thực hiện là 14.676 tỷ đồng, đạt 135% dự toán Trung ương giao, đạt 133,8% dự toán tỉnh giao đầu năm.

## **II. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC**

### **1. Cơ sở tổng hợp số liệu**

BCTCNN tỉnh Lạng Sơn phản ánh toàn bộ thông tin tài chính nhà nước có nguồn gốc từ NSNN tỉnh Lạng Sơn hoặc do tỉnh quản lý. Số liệu trên BCTCNN tỉnh Lạng Sơn được Kho bạc Nhà nước (KBNN) Lạng Sơn kiểm tra, đối chiếu về tính hợp lý, hợp lệ và tổng hợp từ Báo cáo cung cấp thông tin tài chính (BCCCTTTC) của 1.131 đơn vị<sup>2</sup>, trong đó:

- Số liệu Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, thành phố do KBNN các huyện trên địa bàn tổng hợp từ BCCCTTTC của các đơn vị trên địa bàn tỉnh (gồm đơn vị dự toán cấp 1 thuộc huyện, các xã, số liệu của các Chi cục Thuế khu vực, số liệu của KBNN trên chương trình Tabmis...);

- Số liệu thu, phải thu và phải trả NSNN do Cục Thuế cung cấp;

- Số liệu tài sản kết cấu hạ tầng do UBND cấp huyện tổng hợp thông tin về tài sản kết cấu hạ tầng được giao quản lý tại huyện (bao gồm cả cấp xã);

- Số liệu vay nợ của tỉnh, vốn nhà nước tại các doanh nghiệp thuộc tỉnh quản lý do Sở Tài chính cung cấp;

- BCTCNN đã loại trừ các giao dịch nội bộ như: giao dịch nội bộ phát sinh giữa các cấp ngân sách (*bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu, số thu hồi và hoàn trả kinh phí giữa ngân sách cấp tỉnh và ngân sách cấp huyện*). Giao dịch nội bộ giữa các đơn vị dự toán cấp 1 (*các khoản phải thu về cung cấp dịch vụ, nợ phải trả nhà cung cấp và khoản đầu tư tài chính, nhận đầu tư tài chính, doanh thu và chi phí*).

### **2. Thuyết minh chênh lệch số liệu trên BCTCNN tỉnh năm 2022**

Số dư tại thời điểm 31/12/2021 trên BCTCNN tỉnh Lạng Sơn năm 2022 tại Phụ lục IA tăng so với số dư tại thời điểm 31/12/2021 trên BCTCNN năm 2021 tại chỉ tiêu bất động sản, nhà cửa, thiết bị, tài sản cố định hữu hình là 369 tỷ đồng; chỉ tiêu tài sản cố định vô hình là 9 tỷ đồng; các chỉ tiêu về tài sản dài hạn, tổng tài sản, nguồn hình thành tài sản, tổng nguồn vốn là 378 tỷ đồng.

Nguyên nhân tăng là do thực hiện theo quy định tại Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm về quản lý nhà nước về giáo dục, đến năm 2022 trên địa bàn tỉnh triển khai phân cấp các đơn vị trường học cấp mầm non, cấp tiểu học, trung học cơ sở thuộc UBND cấp

<sup>2</sup> Gồm 1.096 đơn vị dự toán cấp 1, Sở Tài chính, 12 đơn vị thuộc cơ quan Thuế, 11 đơn vị thuộc cơ quan KBNN, 11 UBND huyện.

huyện quản lý. Theo đó, các đơn vị trường học chuyển thành đơn vị dự toán cấp 1<sup>3</sup> lập BCTCNN năm 2022 gửi trực tiếp đến KBNN cùng cấp thay vì gửi BCCCTTTC cho Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện, thành phố tổng hợp theo Thông tư số 99/2018/TT-BTC ngày 1/11/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn lập Báo cáo tài chính tổng hợp đơn vị kế toán nhà nước là đơn vị dự toán cấp trên. Trong năm 2022, sau khi đã gửi báo cáo cho Phòng Giáo dục và Đào tạo tổng hợp và gửi KBNN cùng cấp, các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở tiếp tục rà soát, cập nhật bổ sung số liệu tài sản vào phần mềm chương trình quản lý tài sản của năm 2021. Do đây là những tài sản đã tồn tại từ trước nhưng chưa được tổng hợp vào báo cáo vì vậy KBNN Lạng Sơn đã điều chỉnh tăng số dư tại thời điểm 31/12/2021 của báo cáo theo giá trị tài sản đã được cập nhật, bổ sung.

### **3. Quá trình xây dựng Báo cáo tài chính nhà nước**

BCTCNN tỉnh năm 2022 được KBNN tỉnh tổng hợp từ Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện, thành phố, BCCCTTTC của các đơn vị dự toán cấp 1 khối tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Sở Tài Chính đảm bảo khớp đúng về các số liệu.

Trong quá trình tổng hợp, KBNN tỉnh và KBNN các huyện thường xuyên đôn đốc các đơn vị nộp báo cáo cung cấp thông tin tài chính qua Cổng thông tin điện tử Tổng kế toán nhà nước. Một số đơn vị gửi báo cáo còn chưa đúng thời gian quy định<sup>4</sup>, còn nhiều sai sót phải chỉnh sửa nhiều lần. Cơ quan KBNN đã phối hợp chặt chẽ, hướng dẫn chi tiết để các đơn vị kịp thời điều chỉnh, sửa đổi đảm bảo tính chính xác của số liệu.

BCTCNN tỉnh năm 2022 đã được lấy ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, được UBND tỉnh thông qua tại Phiên họp thường kỳ tháng 11 năm 2023 (kỳ 1) và hoàn thiện theo Thông báo số 1260/TB-KTNS ngày 28/11/2023 về Kết luận phiên thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh đối với các nội dung trình tại kỳ họp thường lệ cuối năm (kỳ họp thứ hai mươi một) Hội đồng nhân dân tỉnh.

## **III. NỘI DUNG CỦA BÁO CÁO TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC TỈNH LẠNG SƠN NĂM 2022**

BCTCNN tỉnh được lập theo kỳ kế toán năm được tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 dương lịch. BCTCNN tỉnh Lạng Sơn bao gồm 4 báo cáo chính: Báo cáo tình hình tài chính nhà nước; Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **1. Báo cáo tình hình tài chính nhà nước**

<sup>3</sup> Số lượng đơn vị dự toán cấp 1 của khối giáo dục tăng thêm so với năm 2021 là 590 đơn vị.

<sup>4</sup> Thời hạn lập, gửi Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin để lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính huyện là 30/4/2023, số đơn vị gửi đúng hạn là 530 đơn vị, số đơn vị gửi chậm hạn là 561 đơn vị. Thời hạn lập, gửi Báo cáo cung cấp thông tin tài chính của các cơ quan, đơn vị cung cấp thông tin để lập Báo cáo tổng hợp thông tin tài chính tỉnh là 30/6/2023, số đơn vị đúng hạn là 1.028 đơn vị, số đơn vị gửi chậm hạn là 103 đơn vị.

Báo cáo phản ánh tình hình tài sản và nguồn hình thành tài sản nhà nước tại thời điểm cuối năm 2022. Tổng tài sản của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2022 là 63.035 tỷ đồng, trong đó: tài sản được hình thành từ nguồn vốn là 61.899 tỷ đồng và tài sản được hình thành từ nợ phải trả của nhà nước là 1.136 tỷ đồng.

- Theo cơ cấu cấp tỉnh và cấp huyện: tài sản của Nhà nước ở cấp tỉnh là 52.035 tỷ đồng (chiếm 82,5% tổng tài sản); tài sản của Nhà nước ở cấp huyện là 11.000 tỷ đồng (chiếm 17,5% tổng tài sản).

- Theo cơ cấu, tài sản của Nhà nước gồm 04 nhóm:

+ Tài sản của Nhà nước trong khu vực hành chính là 7.040 tỷ đồng, chiếm 11,2% tổng tài sản;

+ Tài sản của Nhà nước trong khu vực sự nghiệp là 13.535 tỷ đồng, chiếm 21,5% tổng tài sản;

+ Tài sản của Nhà nước trong khu vực doanh nghiệp có vốn nhà nước (giá trị vốn góp của Nhà nước tại các doanh nghiệp, ngân hàng và các tổ chức tài chính do Trung ương, địa phương quản lý) là 1.015 tỷ đồng, chiếm 1,6% tổng tài sản;

+ Tài sản của khối cơ quan quản lý là 41.445 tỷ đồng, chiếm 65,7% tổng tài sản.

### ***1.1. Về tài sản của Nhà nước***

Tổng tài sản của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2022 là 63.035 tỷ đồng, tăng 926 tỷ đồng (tăng 1,5%) với cùng kỳ năm trước, bao gồm: tài sản ngắn hạn là 6.477 tỷ đồng, tăng 488 tỷ đồng (tăng 8,2%), chiếm 10,3% tổng tài sản; tài sản dài hạn là 56.558 tỷ đồng, tăng 437 tỷ đồng (tăng 0,8%) so với cùng kỳ năm trước, chiếm 89,7% tổng tài sản.

a) Tài sản ngắn hạn bao gồm:

- Tiền và các khoản tương đương tiền là 5.013 tỷ đồng, chiếm 77,4% tài sản ngắn hạn và bằng 8% tổng tài sản, tăng 20 tỷ đồng (tăng 0,4%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: tiền mặt 71 tỷ đồng, tiền gửi ngân hàng 4.934 tỷ đồng, tiền đang chuyển 8 tỷ đồng.

Số dư tiền mặt chiếm tỷ trọng nhỏ trong chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền (chiếm 1,4%), chỉ tiêu này tăng 10 tỷ đồng (tăng 16,4%) so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu là tiền giải phóng mặt bằng<sup>5</sup>, tiền học phí của khối giáo dục<sup>6</sup>, tiền viện phí<sup>7</sup>.

<sup>5</sup> Trong đó: Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Lộc Bình 26 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh 2,5 tỷ đồng...

<sup>6</sup> Sở Giáo dục và Đào tạo 9 tỷ đồng...

<sup>7</sup> Trong đó: Sở Y tế 1,5 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Bình Gia 1,2 tỷ đồng...

Tiền gửi ngân hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất trong chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền bằng 98,4%, trong đó: tiền gửi KBNN là 4.672 tỷ đồng, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn là 252 tỷ đồng, tiền gửi khác<sup>8</sup> là 10 tỷ đồng.

Tiền đang chuyên là 8 tỷ đồng, chiếm 0,2% chỉ tiêu tiền và các khoản tương đương tiền.

- Các khoản phải thu của Nhà nước là 1.341 tỷ đồng, chiếm 20,7% so với tài sản ngắn hạn và chiếm 2,1% tổng tài sản, tăng 438 tỷ đồng (tăng 48,6%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: các khoản phải thu của cơ quan Thuế là 361 tỷ đồng<sup>9</sup>, tăng 118 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước; các khoản phải thu của đơn vị dự toán cấp 1 là 980 tỷ đồng, tăng 320 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước.

Các khoản phải thu của đơn vị dự toán cấp 1 tăng cao chủ yếu là số phải thu từ tiền tạm ứng giải phóng mặt bằng<sup>10</sup>, phải thu từ tiền viện phí<sup>11</sup>.

- Hàng tồn kho là 115 tỷ đồng (chiếm 0,2% tổng tài sản), tăng 23 tỷ đồng (tăng 25,3%) so với cùng kỳ năm trước.

Hàng tồn kho tăng chủ yếu do tăng hàng tồn kho của khối y tế<sup>12</sup> là vật tư y tế, dụng cụ, thiết bị y tế, vật tư hóa chất, sinh phẩm y tế...

- Tài sản ngắn hạn khác là 7 tỷ đồng, trong đó chủ yếu của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh (7 tỷ đồng).

b) Tài sản dài hạn bao gồm:

- Vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đầu tư tài chính dài hạn) là 1.016 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 1,8% tài sản dài hạn và chiếm 1,6% tổng tài sản, tăng 36 tỷ đồng (tăng 3,7%) so với cùng kỳ năm trước. Số doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ gồm 02 doanh nghiệp<sup>13</sup>, nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ gồm 03 doanh nghiệp<sup>14</sup>.

Năm 2022, tổng số vốn của nhà nước tại các doanh nghiệp tăng 36 tỷ đồng (tăng 3,7%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lạng Sơn tăng 1%, Công ty TNHH MTV khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn tăng 4% và Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn tăng 8%,

<sup>8</sup> Là các khoản tiền khác của xã gửi tại KBNN như: tiền gửi các Quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã, phường; tiền gửi các khoản thu hộ, chi hộ; các khoản tiền gửi vãng lai khác.

<sup>9</sup> Trong đó: nợ có khả năng thu 356 tỷ đồng, nợ khó thu 4 tỷ đồng, nợ đang xử lý 1 tỷ đồng.

<sup>10</sup> Trong đó: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh 536 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình Giao thông 124 tỷ đồng, Trung tâm Phát triển quỹ đất huyện Cao Lộc 54 tỷ đồng...

<sup>11</sup> Trong đó: Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn 52 tỷ đồng, Sở Y tế 52 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Văn Quan 27 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Bình Gia 18 tỷ đồng...

<sup>12</sup> Trong đó: Sở Y tế 61 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Văn Quan 9,6 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng 7,1 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Bắc Sơn 6,9 tỷ đồng...

<sup>13</sup> Trong đó: Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 24 tỷ đồng; Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp 957 tỷ đồng.

<sup>14</sup> Trong đó: Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 21 tỷ đồng; Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp 9 tỷ đồng; Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn: vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 5 tỷ đồng.

Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn tăng 1%, Công ty cổ phần Quản lý và xây dựng giao thông Lạng Sơn tăng 2%<sup>15</sup>.

- Xây dựng cơ bản dở dang<sup>16</sup> là 8.273 tỷ đồng, chiếm 14,6% tài sản dài hạn và chiếm 13,1% tổng tài sản, tăng 440 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Qua đó, cho thấy tỉnh đã quyết liệt chỉ đạo trong công tác giải ngân vốn đầu tư, tăng cường kiểm tra đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc nhằm đẩy nhanh tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản trên địa bàn. Một số đơn vị có giá trị xây dựng dở dang lớn như: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng tỉnh 6.202 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh 1.552 tỷ đồng, Sở Giáo dục và Đào tạo 312 tỷ đồng, Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng huyện Cao Lộc 185 tỷ đồng...

- Tài sản cố định hữu hình (giá trị còn lại sau khấu hao, hao mòn) là 43.565 tỷ đồng, chiếm tỷ trọng 77% tài sản dài hạn và 69,1% tổng tài sản, trong đó:

+ Tài sản kết cấu hạ tầng là 37.098 tỷ đồng, chiếm 58,9% tổng tài sản, giảm 420 tỷ đồng (giảm 1,1%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: tài sản kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ là 34.729 tỷ đồng, tài sản kết cấu hạ tầng các công trình nước sạch, hạ tầng và khác là 2.369 tỷ đồng.

+ Bất động sản, nhà cửa, thiết bị là 6.467 tỷ đồng, chiếm 10,3% tổng tài sản, trong đó: nhà, vật kiến trúc là 4.879 tỷ đồng, phương tiện vận tải là 94 tỷ đồng và các tài sản cố định hữu hình khác là 1.494 tỷ đồng.

- Tài sản cố định vô hình<sup>17</sup> là 3.704 tỷ đồng, chiếm 5,9% tổng tài sản, tăng 462 tỷ đồng (tăng 14,3%) so với cùng kỳ, bao gồm: quyền sử dụng đất 3.136 tỷ đồng, bản quyền 2 tỷ đồng, chương trình phần mềm 514 tỷ đồng và tài sản cố định vô hình khác 52 tỷ đồng.

## ***1.2. Về công nợ của Nhà nước***

Tổng nợ phải trả của Nhà nước tại thời điểm 31/12/2022 là 1.135,8 tỷ đồng, tăng 107 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước (tăng 10,5%), trong đó:

- Nợ phải trả ngắn hạn là 1.057,4 tỷ đồng, tăng 93 tỷ đồng (tăng 9,7%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó chiếm tỷ trọng lớn nhất là khoản phải trả ngắn hạn khác 1.057,2 tỷ đồng, bao gồm: phải trả ngắn hạn nhà cung cấp 456 tỷ đồng, nợ phải trả ngắn hạn khác 462 tỷ đồng, các khoản nhận trước của khách hàng 59 tỷ đồng, tạm thu 65 tỷ đồng, các quỹ đặc thù 15,2 tỷ đồng.

- Nợ phải trả dài hạn là 78,3 tỷ đồng, chiếm 6,9% tổng nợ phải trả, tăng 14,3 tỷ đồng (tăng 22,4%) so với cùng kỳ năm trước. Chủ yếu là dư nợ của

<sup>15</sup> Do tăng giá trị các công trình thủy lợi được nâng cấp, phân phối lợi nhuận sau thuế, tăng quỹ đầu tư phát triển.

<sup>16</sup> Xây dựng cơ bản dở dang gồm: chi phí xây dựng cơ bản 8.263,6 tỷ đồng (năm 2022 có 217 dự án khởi công mới chưa đưa vào sử dụng, tổng giá trị giải ngân là 530 tỷ đồng), chi mua sắm 0,1 tỷ đồng, chi sửa chữa nâng cấp tài sản 9,3 tỷ đồng.

<sup>17</sup> Tài sản không có hình thái vật chất chủ yếu là quyền sử dụng đất, quyền tác quyền, quyền sở hữu công nghiệp, quyền với giống cây trồng, phần mềm ứng dụng, đề tài khoa học, phát minh, sáng chế...

chính quyền địa phương<sup>18</sup> (78 tỷ đồng). Nợ chính quyền địa phương 14,7 tỷ đồng là số chênh lệch giữa vay của ngân sách địa phương trong năm 19,1 tỷ đồng<sup>19</sup> và số trả nợ gốc vay trong năm 4,4 tỷ đồng.

Vay của ngân sách địa phương chỉ đạt 73,4% so với dự toán giao<sup>20</sup>. Vay của ngân sách địa phương (chủ yếu theo hình thức vay lại các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước) không đạt dự toán giao do: tiến độ thi công, giải ngân vốn của một số dự án chưa theo kế hoạch được duyệt; thực hiện quy trình nghiệm thu, thủ tục xin rút vốn chậm; vướng mắc theo quy định của Hiệp định vay và cơ chế tài chính của dự án.

### ***1.3. Về nguồn vốn của Nhà nước***

Tổng nguồn vốn nhà nước tại thời điểm 31/12/2022 là 61.899 tỷ, tăng 818 tỷ đồng (tăng 1,3%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Nguồn vốn hình thành tài sản là 14.514 tỷ đồng, chiếm 23,4% tổng nguồn vốn của Nhà nước, giảm 2.775 tỷ đồng (giảm 16,1%) so với cùng kỳ. Chỉ tiêu này được tính bằng chênh lệch giữa chỉ tiêu “Tổng tài sản” (63.035 tỷ đồng) và tổng các chỉ tiêu “Tổng nợ phải trả” (1.136 tỷ đồng), “Thặng dư/thâm hụt lũy kế” (46.938 tỷ đồng), “Nguồn vốn khác” (447 tỷ đồng) trên Báo cáo tình hình tài chính nhà nước.

- Thặng dư lũy kế là 46.938 tỷ đồng, chiếm 75,8% tổng nguồn vốn của Nhà nước, tăng 3.526 tỷ đồng (tăng 8,1%) so với cùng kỳ năm trước.

Thặng dư tăng so với cùng kỳ năm trước cho thấy đây là một nguồn lực tài chính tiềm năng mà Nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các năm trước. Về mặt vật chất, nguồn lực tài chính này hiện hữu chủ yếu qua khoản giá trị tiền và tương đương tiền của Nhà nước và giá trị còn lại các tài sản cố định của tỉnh. Số liệu này sẽ là một căn cứ

<sup>18</sup> Là khoản vay lại các dự án ODA từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước.

<sup>19</sup> Bao gồm: dự án Đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP) 1,8 tỷ đồng, Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn 5 tỷ đồng, dự án Tăng cường quản lý đất đai và cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 03 huyện Cao Lộc, Bình Gia, Lộc Bình 0,6 tỷ đồng, dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập 2,4 tỷ đồng, dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn 9,3 tỷ đồng.

<sup>20</sup> Trong đó: (1) dự án Hạ tầng cơ bản cho phát triển toàn diện các tỉnh vùng Đông Bắc: Hà Giang, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn - Tiểu dự án tỉnh Lạng Sơn - Hợp phần 3 chỉ đạt 24,6% dự toán, do việc thực hiện các gói vốn cạnh tranh chậm so với kế hoạch đề ra do các bước thực hiện cần tuân thủ theo Sổ tay hướng dẫn dự án và cần có ý kiến không phân đối của ADB, việc thực hiện các hạng mục đầu tư xây dựng hạ tầng còn chậm do các vướng mắc về thủ tục đầu tư xây dựng (điều chỉnh tuyến để tránh rừng tự nhiên, thủ tục điều chỉnh thời gian thực hiện dự án, lựa chọn nhà thầu,...), công tác lựa chọn nhà thầu Thiết kế bản vẽ thi công đến hết năm 2022 mới hoàn thiện do vậy không kịp thực hiện công tác tạm ứng thanh toán chi phí; (2) dự án Tăng cường quản lý đất đai và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai thành phố Lạng Sơn và 4 huyện Cao Lộc, Trảng Định, Bình Gia và Lộc Bình chỉ đạt 30,7%, tiến độ nghiệm thu chậm do chưa thực hiện đầy đủ các bước nghiệm thu theo sản phẩm đầu ra của dự án; (3) dự án LRAMP - Hợp phần 1: Khôi phục, cải tạo đường địa phương chỉ đạt 44% dự toán, do thực hiện quy trình sử dụng vốn kết dư, gia hạn Hiệp định chậm; (4) dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8) chỉ đạt 59,8% dự toán, do phải lập hồ sơ trình gia hạn Hiệp định, tiến độ thi công chậm do còn hạng mục chưa hoàn thành công tác GPMB và ảnh hưởng mưa nhiều trong tháng 5/2022; (5) dự án Chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra đạt 79% dự toán.

tài chính cho việc lập kế hoạch NSNN, kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo.

- Nguồn vốn khác<sup>21</sup> là 447 tỷ đồng chiếm 0,7% tổng nguồn vốn của Nhà nước, tăng 67 tỷ đồng so với cùng kỳ, bao gồm: các quỹ của các đơn vị dự toán cấp 1 là 311 tỷ đồng<sup>22</sup>; tài sản thuần khác của các đơn vị là 124 tỷ đồng (*tài sản thuần khác tập trung chủ yếu ở khối y tế là nguồn cải cách tiền lương lũy kế qua các năm*); các Quỹ tài chính ngoài ngân sách của xã 12 tỷ đồng.

(Chi tiết tại Phụ lục IA, IB kèm theo Báo cáo này)

## **2. Về Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước năm 2022**

Báo cáo kết quả hoạt động tài chính phản ánh số liệu doanh thu và chi phí của khu vực Nhà nước.

### **2.1. Tổng thu nhập của Nhà nước**

Tổng doanh thu tài chính năm 2022 của tỉnh là 13.850 tỷ đồng, tăng 1.452 tỷ đồng (tăng 11,7%) so với cùng kỳ năm trước, bao gồm:

- Doanh thu thuộc ngân sách nhà nước (NSNN) là 12.708 tỷ đồng, chiếm 91,8% tổng doanh thu, tăng 1.542 tỷ đồng (tăng 13,8%) so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: doanh thu từ thuế là 947 tỷ đồng, chiếm 7,5% doanh thu thuộc NSNN; doanh thu phí, lệ phí là 511 tỷ đồng, chiếm 4% doanh thu thuộc NSNN; doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước (*cổ tức, lợi nhuận được chia, lợi nhuận còn lại sau khi trích lập các quỹ do cơ quan Thuế cung cấp*) là 3 tỷ đồng; doanh thu từ viện trợ không hoàn lại là 15 tỷ đồng; doanh thu khác<sup>23</sup> là 11.232 tỷ đồng, chiếm 88,5% doanh thu thuộc NSNN.

- Doanh thu không thuộc NSNN là 1.142 tỷ đồng, chiếm 8,2% tổng doanh thu, giảm 90 tỷ đồng (giảm 7,3%) so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ (các khoản thu phát sinh trong năm của đơn vị sự nghiệp công lập từ nguồn xã hội hóa) là 840 tỷ đồng, chiếm 73,5% doanh thu không thuộc NSNN; doanh thu hoạt động khác (*doanh thu phát sinh trong năm của các Quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách, các nguồn phí được khấu trừ, để lại, các khoản thu nhập khác của các đơn vị dự toán cấp 1*) là 302 tỷ đồng, chiếm 26,5% doanh thu không thuộc NSNN.

Các khoản doanh thu thuế giảm so với năm trước, nguyên nhân là do thực hiện một số chính sách miễn, giảm thuế do Trung ương ban hành nhằm hỗ trợ

<sup>21</sup> Giá trị các nguồn vốn khác như: quỹ khen thưởng, quỹ phúc lợi, quỹ bổ sung thu nhập, quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp của các đơn vị thuộc khu vực Nhà nước; chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa được xử lý; các tài sản thuần khác...

<sup>22</sup> Một số đơn vị có số dư Quỹ lớn như: Sở Y tế 148 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Hữu Lũng 50 tỷ đồng...

<sup>23</sup> Doanh thu khác chiếm tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu thuộc NSNN bao gồm: thu nhập từ bán, chuyển nhượng tài sản cố định của Nhà nước 8 tỷ đồng, thu nhập từ cho thuê tài sản cố định của Nhà nước 108 tỷ đồng, thu từ cấp quyền khai thác khoáng sản 39 tỷ đồng, bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên (đã loại trừ giao dịch nội bộ bổ sung lại cho ngân sách cấp dưới và thu hồi, nhận hoàn trả kinh phí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp dưới), thu khác của ngân sách cấp xã, các khoản thu phạt, tiền chậm nộp do cơ quan Thuế quản lý là 11.077 tỷ đồng.



doanh nghiệp, người dân chịu tác động của dịch Covid-19<sup>(24)</sup>; việc điều chỉnh giá điện nội bộ của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc<sup>(25)</sup>; thực hiện phân bổ thuế của các Tổng Công ty về chi nhánh trên địa bàn tỉnh trong khối doanh nghiệp nhà nước Trung ương<sup>26</sup>, giảm thuế Bảo vệ môi trường theo Nghị quyết số 18/2022/UBTVQH15 ngày 23/3/2022 và Nghị quyết số 20/2022/UBTVQH15 ngày 06/7/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Doanh thu bền vững<sup>27</sup> của năm 2022 là 2.301 tỷ đồng, bằng 17% so với tổng thu nhập, giảm 304 tỷ đồng so với năm 2021<sup>28</sup>, trong đó: doanh thu thuế giảm 67 tỷ đồng, doanh thu về phí, lệ phí giảm 262 tỷ đồng, doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ tăng 24 tỷ đồng, doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước tăng 1 tỷ đồng. Cơ quan thu và các lực lượng chức năng đã tăng cường phối hợp trong công tác quản lý thu NSNN, đẩy mạnh thực hiện các biện pháp quản lý thu, chống thất thu, xử lý nợ đọng thuế, tập trung vào các lĩnh vực hoạt động, kinh doanh có tiềm ẩn nhiều rủi ro và các nguyên nhân dẫn đến thất thu NSNN, nợ đọng thuế. Tuy nhiên cần tiếp tục nghiên cứu, có biện pháp quyết liệt hơn nữa trong công tác quản lý thu, đặc biệt là hình thức bán hàng trực tuyến.

## 2.2. Về tổng chi phí của Nhà nước

Tổng chi phí tài chính năm 2022 của tỉnh là 10.039 tỷ đồng, giảm 184 tỷ đồng (giảm 1,8%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

- Chi phí từ nguồn NSNN là 9.026,4 tỷ đồng, chiếm 89,9% tổng chi phí, giảm 162 tỷ đồng (giảm 1,8%) so với cùng kỳ năm trước, cụ thể: chi phí tiền lương, tiền công, chi phí khác cho con người (*bao gồm tiền lương, tiền công, thưởng trả cho lao động theo hợp đồng, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế,...*) là 4.416 tỷ đồng, chiếm 49% chi từ nguồn NSNN; chi vật tư, công cụ, dịch vụ là 537 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 5,9% chi từ nguồn NSNN; chi phí hao mòn 1.869 tỷ đồng, chiếm tỷ lệ 20,7% chi từ nguồn NSNN; chi khác<sup>29</sup> 2.203 tỷ đồng, chiếm tỷ

<sup>24</sup> Giảm thuế GTGT của tháng 12/2021 theo Nghị định số 92/2021/NĐ-CP ngày 27/10/2021 của Chính phủ; giảm thuế suất thuế GTGT từ 10% xuống 8% theo Nghị định số 15/2022/NĐ-CP ngày 28/01/2022 của Chính phủ.

<sup>25</sup> Năm 2020: giá điện đầu vào là 916,15đ/kwh, giá bán điện đầu ra là 1.842,26đ/kwh; năm 2021: giá điện đầu vào là 1.356,9đ/kwh, giá bán điện đầu ra là 1.887,6đ/kwh; năm 2022: giá điện đầu vào là 1.428,5đ/kwh, giá bán điện đầu ra là 1.904,8đ/kwh.

<sup>26</sup> Trong đó một số doanh nghiệp lớn như: Tổng Công ty Điện lực TKV-CTCP nộp thuế là 1,1 tỷ đồng, đạt 3,2% dự toán (dự toán giao 34,5 tỷ đồng); Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV-CTCP nộp thuế là 12,3 tỷ đồng, đạt 63,7% dự toán (dự toán giao 19,3 tỷ). Nguyên nhân số thu giảm là do những tháng cuối năm 2022, các doanh nghiệp lớn thực hiện nộp thuế về Cục Thuế doanh nghiệp lớn thuộc Tổng cục Thuế không phân bổ thuế cho các địa phương phát sinh hoạt động kinh doanh.

<sup>27</sup> Là tổng các chỉ tiêu “Doanh thu từ thuế” 947 tỷ đồng, “Doanh thu từ phí, lệ phí” 511 tỷ đồng, “Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước” 3 tỷ đồng, “Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ” 840 tỷ đồng.

<sup>28</sup> Năm 2021 doanh thu bền vững (tổng của “Doanh thu từ thuế” 1.013 tỷ đồng, “Doanh thu từ phí, lệ phí” 774 tỷ đồng, “Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước” 2 tỷ đồng, “Doanh thu hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ” 816 tỷ đồng) là 2.605 tỷ đồng.

<sup>29</sup> Chi phí khác từ nguồn NSNN: chi khác từ bổ sung cân đối ngân sách, bổ sung có mục tiêu (đã loại trừ chi tiêu giao dịch nội bộ), hỗ trợ địa phương khác, hỗ trợ của NSNN cho các tổ chức chính trị, xã hội, nghề nghiệp, chi

lệ 24,4% chi từ nguồn NSNN; chi tài chính (*chi trả lãi vay, phí, lệ phí liên quan đến các khoản nợ của chính quyền địa phương*) là 1,4 tỷ đồng.

- Chi phí từ nguồn ngoài NSNN (các đơn vị sự nghiệp công lập) là 1.012,6 tỷ đồng, chiếm 10,1% tổng chi phí, giảm 22 tỷ đồng (giảm 2,2%) so với cùng kỳ năm trước, trong đó: chi phí tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người là 499,2 tỷ đồng, chiếm 49,3% chi phí từ nguồn ngoài NSNN; chi phí vật tư, công cụ và dịch vụ là 267,7 tỷ đồng, chiếm 26,4% chi phí từ nguồn ngoài NSNN; chi phí khấu hao là 76,7 tỷ đồng, chiếm 7,6% chi phí từ nguồn ngoài NSNN; chi phí khác<sup>30</sup> là 169 tỷ đồng, chiếm 16,7% chi phí từ nguồn ngoài NSNN.

Chi phí từ nguồn NSNN chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu chi NSNN, trong đó chủ yếu là các khoản chi tiền lương, tiền công và chi phí khác cho con người. Chi vật tư, công cụ, dụng cụ và dịch vụ từ nguồn NSNN và từ nguồn ngoài NSNN chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng chi phí và giảm 50 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Chi phí khác từ nguồn NSNN giảm, nguyên nhân là do một số chương trình, kế hoạch, đề án, nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền giao và được bố trí kinh phí từ đầu năm 2022, tuy nhiên trong quá trình thực hiện còn dư do giảm quy mô, giảm giá trị thực hiện sau đấu thầu; một số nội dung, nhiệm vụ chi thực hiện thấp hơn so với kế hoạch giao và một số nhiệm vụ chi được cân đối dự toán nhưng không triển khai thực hiện được do ảnh hưởng của dịch COVID-19; khó khăn trong công tác thẩm định giá, không có doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tham gia dự thầu; văn bản hướng dẫn của Trung ương chưa kịp thời<sup>31</sup>.

### **2.3. Về thặng dư của tài chính nhà nước**

Đến 31/12/2022, tổng thu nhập của tỉnh là 13.850 tỷ đồng, tổng chi phí của tỉnh là 10.039 tỷ đồng, chênh lệch thặng dư là 3.811 tỷ đồng, tăng 75,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: thặng dư từ NSNN hơn 3.681 tỷ đồng và khu vực ngoài ngân sách là 130 tỷ đồng.

Doanh thu và chi phí thuộc NSNN chiếm tỷ trọng lớn và là nguồn hình thành chủ yếu cho các khoản thặng dư năm 2022. Theo số liệu báo cáo đến hết năm 2022, có 755/780 đơn vị sự nghiệp công của tỉnh do NSNN đảm bảo toàn bộ hoặc đảm bảo một phần chi phí hoạt động. Qua đó phản ánh các khoản thu, chi NSNN vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của Nhà nước và mức độ xã hội hóa các khoản thu, chi (sự nghiệp, dịch vụ...) từ khu vực nhà nước còn thấp.

Thặng dư ngoài ngân sách năm 2022 (130 tỷ) giảm so với năm 2021 (197 tỷ đồng) là 67 tỷ đồng, cho thấy các đơn vị sự nghiệp trên địa bàn tỉnh cần đưa ra các giải pháp để tăng thu, chủ động khai thác nguồn thu mở rộng các loại hình dịch vụ phù hợp.

---

ngân sách xã 593 tỷ đồng; chi phí hoạt động khác của đơn vị dự toán cấp 1 là 1.610 tỷ đồng. Một số đơn vị dự toán cấp 1 phát sinh chi phí lớn: Sở Giáo dục và Đào tạo 253 tỷ đồng, Sở Giao thông vận tải 97 tỷ đồng...

<sup>30</sup> Chi phí khác từ nguồn ngoài NSNN: bao gồm các khoản chi còn lại của đơn vị dự toán cấp 1 không bao gồm các khoản chi phí đã nêu trên và phát sinh lớn tại ngành y tế như: Sở Y tế 35 tỷ đồng, Trung tâm Y tế huyện Văn Quan 9 tỷ đồng, Sở Tài nguyên và Môi trường 8 tỷ đồng...

<sup>31</sup> Đối với nội dung công nghệ thông tin, do đến ngày 22/10/2022 Bộ Thông tin và Truyền thông mới có văn bản số 5253/BTTTT-CTDSQG về việc áp dụng đơn giá, định mức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin.

*(Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Báo cáo)*

### **3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo; số dư tiền và tương đương tiền tại thời điểm kết thúc kỳ báo cáo trên phạm vi toàn tỉnh.

**3.1. Số dư đầu kỳ của tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm 2022 là 4.993 tỷ đồng.**

#### **3.2. Lưu chuyển tiền tệ từ các hoạt động**

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động chủ yếu của Nhà nước (phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào và tổng số tiền thực chi ra từ hoạt động thường xuyên của Nhà nước, không phải là các hoạt động đầu tư hay hoạt động tài chính) đến thời điểm 31/12/2022 là 2.775 tỷ đồng, thể hiện dòng tiền từ hoạt động chủ yếu là hoạt động thu tiền vào.

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư (*phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào và tổng số tiền thực chi ra từ hoạt động đầu tư*) đến thời điểm 31/12/2022 là -2.762 tỷ đồng<sup>32</sup>, thể hiện dòng tiền từ hoạt động đầu tư chủ yếu là hoạt động chi tiền ra (thể hiện số âm trên BCTCNN).

- Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính (*phản ánh chênh lệch giữa tổng số tiền thực thu vào và tổng số tiền thực chi ra từ hoạt động tài chính*) đến thời điểm 31/12/2022 là 8 tỷ đồng<sup>33</sup>, thể hiện dòng tiền từ hoạt động tài chính chủ yếu là hoạt động thu vào.

#### **3.3. Lưu chuyển tiền thuần trong năm 2022**

Phản ánh chênh lệch giữa số thu vào của hoạt động chủ yếu (2.775 tỷ đồng), chi ra từ hoạt động đầu tư (2.762 tỷ đồng) và thu vào từ hoạt động tài chính (8 tỷ đồng) là 21 tỷ đồng. Như vậy, dòng tiền thu vào trong năm 2022 là 21 tỷ đồng.

**3.4. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ:** 5.013 tỷ đồng bằng số dư đầu kỳ của chi tiêu tiền và các khoản tương đương tiền (4.993 tỷ đồng) cộng với lưu chuyển tiền thuần trong năm 2022 (21 tỷ đồng) cộng với chênh lệch tỷ giá (-1 tỷ đồng).

*(Chi tiết tại Phụ lục III kèm theo Báo cáo)*

### **4. Thuyết minh BCTCNN**

<sup>32</sup> Đối với hoạt động đầu tư có số dư âm 2.762 tỷ đồng, thể hiện trong năm chi mua sắm, đầu tư xây dựng tài sản cố định bằng 2.743 tỷ đồng, chi cho vay góp vốn 31 tỷ đồng, trong khi số thu về hoạt động đầu tư chỉ có 12 tỷ đồng bao gồm các khoản: tiền thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định 8 tỷ đồng; thu gốc khoản cho vay; thu từ bán cổ phần, vốn góp và các khoản đầu tư 1 tỷ đồng; tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia 3 tỷ đồng.

<sup>33</sup> Đối với hoạt động tài chính có số dư 8 tỷ đồng, là chênh lệch các khoản chi về hoạt động tài chính 15 tỷ đồng (chi hoàn trả các khoản vay, chi các hoạt động tài chính khác hơn 5 tỷ và chi từ hoạt động tài chính khác 10 tỷ đồng) và số tiền thu về hoạt động tài chính bằng 23 tỷ đồng; chủ yếu là thu từ khoản đi vay lại của địa phương.

Thuyết minh BCTCNN là một bộ phận hợp thành không thể tách rời của BCTCNN, dùng để mô tả hoặc phân tích chi tiết các thông tin số liệu đã được trình bày trong Báo cáo tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo kết quả tình hình tài chính nhà nước, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Thuyết minh BCTCNN tỉnh bao gồm phần thuyết minh (phần lời) và phần số liệu. Phần thuyết minh chỉ nêu một số các nội dung liên quan để làm rõ hơn về tình hình kinh tế xã hội, các nguyên tắc, phương pháp kế toán, tổng hợp số liệu... và giải thích rõ hơn một số số liệu chi tiết trong báo cáo mà các số liệu tổng hợp trên 3 BCTCNN nêu trên chưa chi tiết được.

*(Chi tiết tại Phụ lục IV kèm theo Báo cáo)*

## **5. Mối quan hệ giữa Báo cáo tài chính nhà nước và Báo cáo quyết toán NSNN**

Do phạm vi, phương pháp lập và các nguồn cung cấp số liệu khác nhau, vì vậy BCTCNN và Báo cáo quyết toán NSNN có một số điểm khác biệt giữa các chỉ tiêu số liệu. Khác với Báo cáo quyết toán NSNN tỉnh được lập trên cơ sở số thực thu, thực chi bằng tiền của quỹ NSNN, BCTCNN tỉnh được tổng hợp từ phạm vi rộng hơn, là toàn bộ khu vực Nhà nước thuộc tỉnh. Ngoài ra, BCTCNN còn bao gồm số liệu tài chính của các Quỹ tài chính nhà nước khác (như: Quỹ dự trữ tài chính...); số liệu thu chi sự nghiệp của các đơn vị sự nghiệp công lập không phản ánh qua thu, chi NSNN (các khoản phí được khấu trừ để lại cho đơn vị); giá trị tài sản kết cấu hạ tầng và bất động sản khác thuộc khu vực Nhà nước của tỉnh... BCTCNN tỉnh không chỉ dựa trên số liệu kế toán thực thu, chi bằng tiền (kế toán tiền mặt), mà còn dựa trên số liệu kế toán theo nguyên tắc doanh thu và chi phí được ghi nhận ngay từ khi khu vực Nhà nước phát sinh các quyền và nghĩa vụ tài chính với các đối tượng liên quan (kế toán dồn tích). Một số khác biệt trọng yếu giữa các chỉ tiêu như sau:

- Khác biệt giữa số liệu doanh thu thuộc NSNN năm 2022 và số quyết toán thu NSNN năm 2022: tổng thu ngân sách địa phương trên Báo cáo quyết toán NSNN là 22.929 tỷ đồng; thu thuộc NSNN trên BCTCNN là 12.708 tỷ đồng, thấp hơn Báo cáo quyết toán 10.221 tỷ đồng (*chi tiết tại điểm 4.1, khoản 4, mục III, Phụ lục IV.1 kèm theo Báo cáo*).

- Khác biệt giữa số chi phí từ nguồn NSNN 2022 và số quyết toán chi NSNN năm 2022: chi từ nguồn NSNN trên Báo cáo quyết toán NSNN là 22.861 tỷ đồng; chi trên BCTCNN là 9.026 tỷ đồng, thấp hơn Báo cáo quyết toán 13.835 tỷ đồng (*chi tiết tại điểm 4.2, khoản 4, mục III, Phụ lục IV.1 kèm theo Báo cáo*).

## **IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Kết quả đạt được**

BCTCNN tỉnh Lạng Sơn năm 2022 cung cấp thông tin về tình hình tài chính nhà nước, kết quả hoạt động tài chính nhà nước và lưu chuyển tiền tệ từ hoạt động tài chính nhà nước của địa phương. Báo cáo năm 2022 tập trung

thuyết minh, giải trình, đánh giá hiệu quả chi tiêu công, kiểm tra, giám sát hoạt động tài chính nhà nước cũng như phân tích khả năng tài chính của địa phương để đưa ra các giải pháp quản lý sử dụng có hiệu quả, trong đó:

- Báo cáo tình hình tài chính nhà nước cung cấp được số liệu tổng tài sản Nhà nước của tỉnh tại thời điểm ngày 31/12/2022 là 63.035 tỷ đồng; nguồn hình thành tài sản gồm: tổng nguồn vốn của Nhà nước là 61.899 tỷ đồng, tổng nợ của Nhà nước phải trả là 1.136 tỷ đồng. Số thặng dư lũy kế là 46.938 tỷ đồng, cho thấy đây là nguồn lực tài chính tiềm năng mà Nhà nước đang và sẽ được hưởng lợi do chênh lệch của hoạt động thu, chi tài chính từ các năm trước, là căn cứ cho việc lập kế hoạch tài chính nhà nước trong các năm tiếp theo.

- Báo cáo kết quả hoạt động tài chính nhà nước cung cấp tổng thu nhập năm 2022 của tỉnh đến 31/12/2022 là 13.850 tỷ đồng, tổng chi phí là 10.039 tỷ đồng, giá trị thặng dư là 3.811 tỷ đồng, tăng 1.637 tỷ đồng so với năm 2021. Mặc dù trong quý I/2022 và nửa đầu quý II/2022 dịch COVID-19 vẫn còn diễn biến phức tạp và ảnh hưởng của đợt mưa lũ trong đầu tháng 5/2022 đã tác động trực tiếp đến đời sống, sản xuất của người dân và doanh nghiệp, tuy nhiên nhu cầu chi tiêu cho công tác phòng, chống dịch, khắc phục hậu quả của dịch bệnh có chiều hướng giảm và một số khoản thu tăng nên giá trị thặng dư năm 2022 tăng đáng kể so với năm 2021. Đó là kết quả tích cực, thể hiện sự chỉ đạo sát sao của UBND tỉnh, các cơ quan chuyên môn trong công tác chỉ đạo thu NSNN và tiết kiệm chi NSNN.

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ là báo cáo tài chính tổng hợp, phản ánh tình hình lưu chuyển tiền tệ, bao gồm: các luồng tiền thu vào, các luồng tiền chi ra từ các hoạt động chủ yếu, hoạt động đầu tư và hoạt động tài chính trong kỳ báo cáo. Lưu chuyển tiền thuần cuối năm 2022 là 21 tỷ đồng.

- Căn cứ vào tỷ lệ số liệu doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của Nhà nước với số liệu về vốn của Nhà nước tại các doanh nghiệp thì tỷ lệ năm 2022 (0,26%)<sup>34</sup> tăng so với năm 2021 (0,16%)<sup>35</sup> cho thấy hiệu quả việc sử dụng vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp tăng dần.

## **2. Một số hạn chế**

- Trong cơ cấu tài sản trên BCTCNN thì các khoản phải thu tăng so với năm trước là 438 tỷ đồng, trong đó chủ yếu là phải thu từ tạm ứng giải phóng mặt bằng, cho thấy nguồn vốn này chưa được sử dụng hiệu quả.

- Phân tích số liệu về doanh thu trên BCTCNN tỉnh, nhận thấy doanh thu thuế và phí, lệ phí giảm, trong đó từ các khoản thu chính là 330 tỷ đồng<sup>36</sup> (giảm 18,4%) so với cùng kỳ năm trước.

<sup>34</sup> Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước là 2,6 tỷ đồng/ Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp là 1.016 tỷ đồng.

<sup>35</sup> Doanh thu từ vốn góp và các khoản đầu tư của nhà nước là 1,6 tỷ đồng/ Vốn nhà nước tại các doanh nghiệp là 979 tỷ đồng.

<sup>36</sup> Doanh thu thuế giảm 67 tỷ đồng, doanh thu về phí, lệ phí giảm 263 tỷ đồng.

- Chi phí cho hoạt động thường xuyên vẫn chiếm tỷ trọng cao, chi cho đầu tư phát triển chưa đáp ứng được yêu cầu.

- BCTCNN tỉnh năm 2022 phản ánh các khoản thu, chi NSNN vẫn là hoạt động tài chính chủ yếu của Nhà nước, mặc dù nguồn thu sự nghiệp tăng dần qua các năm nhưng vẫn còn thấp.

- Kết quả hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp có vốn nhà nước<sup>37</sup> đóng góp vào tăng trưởng kinh tế địa phương chưa cao.

- Đối với việc quản lý, sử dụng tài sản cố định đặc thù (bao gồm: cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích lịch sử - văn hóa) của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố được giao quản lý nhưng chưa tổng hợp đầy đủ<sup>38</sup>.

### **3. Nguyên nhân của những hạn chế**

Việc triển khai các chính sách miễn, giảm thuế theo quy định của Trung ương nhằm hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp; việc điều chỉnh giá điện nội bộ của Tổng công ty Điện lực Miền Bắc, thực hiện phân bổ thuế của các Tổng công ty về chi nhánh trên địa bàn tỉnh trong khối doanh nghiệp nhà nước Trung ương; phía Trung Quốc tiếp tục siết chặt các biện pháp phòng, chống dịch COVID-19 đối với hàng hóa xuất nhập khẩu, người và phương tiện xuất nhập cảnh, làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu trên địa bàn tỉnh cũng như ảnh hưởng đến kết quả thực hiện các khoản thu thuế, phí, lệ phí trong năm.

Trên địa bàn tỉnh chưa có khu công nghiệp lớn. Tiến độ thực hiện một số dự án công nghiệp còn chậm. Các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh chủ yếu là doanh nghiệp nhỏ, có tốc độ tăng trưởng chưa cao, chưa có những doanh nghiệp lớn ở các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh mang tính bền vững. Các doanh nghiệp hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực thương mại (doanh nghiệp kinh doanh thương mại, dịch vụ chiếm 76,7%/tổng số các doanh nghiệp).

Một số chủ đầu tư, thủ trưởng đơn vị chưa sát sao trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, giải ngân thanh toán nguồn vốn; một số chủ đầu tư thực hiện giải ngân chưa đúng với cam kết đã đề ra; thực hiện quy trình mua sắm, đấu thầu trong năm còn chậm...

Một số văn bản pháp lý, văn bản hướng dẫn triển khai thực hiện một số chế độ, chính sách ban hành còn vướng mắc, bất cập, chưa đầy đủ, đồng bộ<sup>39</sup>.

<sup>37</sup> Cổ tức nộp NSNN trong năm 2022: của Công ty cổ phần Chợ Lạng Sơn là 0,7 tỷ đồng, Công ty cổ phần Cấp thoát nước Lạng Sơn là 1,4 tỷ đồng, Công ty cổ phần Quản lý và Xây dựng giao thông Lạng Sơn 0,1 tỷ đồng.

<sup>38</sup> Năm 2022, chỉ có Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi báo cáo cung cấp thông tin tài chính tài sản cố định đặc thù.

<sup>39</sup> Một số định mức đầu tư, hỗ trợ thực hiện một số nội dung Chương trình MTQG như: hỗ trợ đất ở, nhà ở, đất sản xuất; đầu tư công trình nước sinh hoạt tập trung; hỗ trợ đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp, sửa chữa chợ. Về công tác mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu lớp 3,7,10, hiện nay còn thiếu thông tin về thẩm định giá một số mặt hàng, chưa có cơ sở để thẩm định giá. Một số định mức kinh tế kỹ thuật, định mức chi phí áp dụng đối với các sản phẩm, dịch vụ công theo quy định tại khoản 1 Điều 26 Nghị định số 32/2019/NĐ-CP của Chính phủ quy định giao nhiệm

BCTCNN là loại hình báo cáo nghiệp vụ tương đối khó với các cơ quan quản lý, đơn vị dự toán, các cơ quan tổng hợp trong việc lập, phân tích số liệu tài chính nhà nước. Bên cạnh đó, phạm vi của BCTCNN rất rộng, số liệu được tổng hợp từ nhiều đơn vị với nhiều chế độ kế toán nhà nước, loại hình đơn vị sử dụng NSNN khác nhau.

## **V. MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN CÔNG TÁC TÀI CHÍNH NHÀ NƯỚC NHỮNG NĂM TIẾP THEO**

### **1. Giải pháp về công tác quản lý tài chính trên địa bàn tỉnh**

- Tăng cường công tác quản lý các nguồn thu NSNN trên địa bàn

Tiếp tục duy trì và chủ động thực hiện các giải pháp quản lý hiệu quả đối với các khoản thu từ thuế; thực hiện thu đúng, thu đủ, thu kịp thời các khoản thuế, phí, lệ phí và thu khác vào NSNN. Đa dạng hóa các nguồn thu ngoài thuế, đặc biệt là các khoản thu phí của đơn vị sự nghiệp theo hướng đổi mới và thúc đẩy mạnh mẽ công tác tự chủ tài chính khu vực sự nghiệp công lập, thu từ các hoạt động kinh doanh. Đôn đốc các doanh nghiệp nhà nước nộp đầy đủ vào NSNN phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ.

Cơ quan Thuế và các cơ quan có liên quan trên địa bàn tăng cường phối hợp chặt chẽ, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính về thuế, đẩy mạnh chuyển đổi số trong công tác quản lý thuế.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra trong lĩnh vực thuế. Tập trung xử lý, thu hồi nợ đọng thuế, giao chỉ tiêu nợ cụ thể và đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện, hạn chế phát sinh nợ thuế mới; kiểm soát chặt chẽ hoàn thuế, đảm bảo đúng đối tượng, đúng pháp luật.

- Điều hành chi NSNN theo dự toán, đảm bảo chặt chẽ, an toàn hiệu quả

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính, điều hành chi ngân sách chặt chẽ, theo đúng tiêu chuẩn, chế độ, định mức quy định, trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo thực hiện các chính sách an sinh xã hội và các khoản chi cho con người. Triệt để tiết kiệm chi thường xuyên, giảm tối đa kinh phí hội nghị, hội thảo, khánh tiết, công tác trong và ngoài nước.

Tăng cường quản lý sử dụng vốn đầu tư công, đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật; tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy nhanh việc giải ngân vốn đầu tư công, đặc biệt là các dự án trọng điểm; giảm tỷ lệ xây dựng cơ bản dở dang để nhanh chóng đưa công trình đi vào sử dụng, góp phần thúc đẩy các hoạt động kinh tế, xã hội.

Các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố chủ động điều hành ngân sách theo dự toán đã được giao. Tập trung triển khai các nhiệm vụ chi ngay từ đầu năm, hạn chế tạm ứng ngân sách và chi chuyển nguồn ngân sách sang năm sau. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực chi ngân sách, các đơn vị

sử dụng ngân sách thực hiện chuyển hồ sơ, chứng từ chi qua dịch vụ công trực tuyến KBNN để rút ngắn thời gian kiểm soát chi. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, công khai, minh bạch việc sử dụng NSNN. Xử lý nghiêm các sai phạm về quản lý ngân sách và tài sản của Nhà nước.

- Nâng cao chất lượng, cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các thành phần kinh tế phát triển. Xây dựng chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và xây dựng cơ chế chính sách thúc đẩy hợp tác công - tư nhằm thu hút các nguồn lực đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng; chính sách hỗ trợ đặc thù, cạnh tranh để thu hút doanh nghiệp lớn, có thể mạnh đầu tư vào tỉnh tạo động lực lan tỏa thúc đẩy phát triển các doanh nghiệp, phát triển các chuỗi sản xuất cung ứng; hình thành chuỗi liên kết, kết nối giữa các doanh nghiệp trong tỉnh và ngoài tỉnh; tạo động lực, sự đột phá và thu hút các nguồn lực đầu tư vào tỉnh.

- Tăng cường phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, trọng tâm là hạ tầng giao thông, đô thị. Tập trung quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai. Đẩy mạnh phát triển kinh tế cửa khẩu, dịch vụ, du lịch, công nghiệp, tái cơ cấu ngành nông nghiệp, xây dựng nông thôn mới gắn với phát triển kinh tế số.

- Nâng cao trách nhiệm, năng lực quản lý, điều hành về công tác quản lý tài chính của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị và chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tài chính, kế toán tại các đơn vị sử dụng ngân sách, nhằm đảm bảo thực hiện đúng các chuẩn mực kế toán hiện hành và yêu cầu quản lý theo quy định; công khai, minh bạch tài chính.

## **2. Giải pháp về công tác lập BCTCNN**

- Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố chủ động, nâng cao trách nhiệm trong công tác rà soát, thu thập số liệu tài sản của Nhà nước (*bao gồm tài sản hạ tầng đường bộ, tài sản hạ tầng khác...; tài sản cố định đặc thù là cổ vật, hiện vật trưng bày trong bảo tàng, di tích lịch sử được xếp hạng...*), đảm bảo thực hiện theo dõi, hạch toán kế toán đầy đủ, chính xác và tổng hợp thông tin, phân tích đánh giá biến động để tổng hợp trên BCTCNN. Đồng thời, tham mưu xây dựng danh mục tài sản cố định đặc thù thuộc phạm vi quản lý của địa phương để thống nhất quản lý theo quy định<sup>40</sup>.

- KBNN Lạng Sơn ưu tiên bố trí nhân sự có năng lực, kinh nghiệm, bố trí đào tạo về chế độ kế toán và quy trình lập BCTCNN cho toàn bộ các công chức làm công tác kế toán tại các KBNN cấp tỉnh, huyện. Đồng thời, tranh thủ sự quan tâm chỉ đạo của chính quyền địa phương để tăng cường hơn nữa công tác

---

<sup>40</sup> Thông tư số 23/2023//TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/6/2023 và được áp dụng từ năm tài chính 2023 thay thế Thông tư số 45/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.



truyền thông về ý nghĩa của BCTCNN đối với công tác chỉ đạo, điều hành tài chính - ngân sách của các cơ quan quản lý và lãnh đạo các cấp.

- Các cơ quan, đơn vị chủ động trong lập BCCCTTTC đảm bảo tính đúng đắn, tính cân đối theo quy định, phản ánh trung thực mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh; đồng thời, quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ làm công tác kế toán tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về nghiệp vụ, hướng dẫn về chế độ kế toán, lập BCTCNN.

Ủy ban nhân dân tỉnh trân trọng báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Như trên;
- Ban Kinh tế - Ngân sách (HĐND tỉnh);
- Các Đại biểu HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh,  
Sở KHĐT, KBNN tỉnh;
- CPVP UBND tỉnh, các phòng CM,  
Trung Tâm Thông tin;
- Lưu: VT, KT(MTH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**

**Hồ Tiến Thiệu**